

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 19/4/2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh – sinh năm 1949, có mặt.

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kiều L – sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: khu phố Ph1, thị trấn G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh như sau:

Vào ngày 01/12/2019, bà cho bà Phạm Thị Kiều L vay nhiều lần với tổng số tiền bằng 100.000.000 đồng và bà L ký biên nhận vào ngày 01/12/2019, bà L hẹn vài tháng sau sẽ trả lại tiền cho bà nhưng bà L không thực hiện. Đến năm 2020, bà đồng ý cho bà L trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà L đã trả cho bà nhiều lần bằng 18.000.000 đồng, hiện bà L còn nợ bà số tiền 82.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc bà Phạm Thị Kiều L phải trả cho bà số tiền 82.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2020 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Bị đơn bà Phạm Thị Kiều L trình bày tại phiên hòa giải ngày 07/3/2023 và biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2023 như sau:

Vào 2007, bà có vay của bà Nh 20.000.000 đồng, lãi suất tính bằng 3%/tháng. Từ năm 2007 đến năm 2017, bà vừa trả lãi vừa vay thêm tiền, cộng dồn vốn và lãi thành 110 triệu, sau đó bà có trả cho bà Nh được 10.000.000 đồng.

Biên nhận 100.000.000 đồng ngày 01/12/2019, do bà Nh nộp cho Tòa án là biên nhận bà và bà Nh gộp hết các khoản nợ bà còn nợ bà Nh tính đến ngày 01/12/2019. Số tiền này bà Nh cho bà trả góp mỗi tháng 5000.000 đồng và không tính lãi nữa.

Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà Nguyễn Thị Nh số tiền 82.000.000 đồng như bà Nh kiện.

Nay bà đồng ý trả nợ cho bà Nh, nhưng hiện tại bà không có khả năng nên bà xin trả dần số tiền 82.000.000 đồng cho bà Nh hàng tháng, mỗi tháng bà trả 500.000 đồng không giới hạn có bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu, thời gian trả nợ tính từ ngày 01/01/2024 cho đến khi trả hết số nợ trên.

Đối với tiền lãi, bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà Nh.

Từ năm 2007 cho đến nay bà đã trả cho bà Nh số tiền 282.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà tự ghi không có chứng cứ gì chứng minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Số tiền 82.000.000 đồng bà L nợ bà là tiền bà đưa cho bà L chứ không có cộng dồn tiền lãi trong đó như

bà L trình bày. Bà không thống nhất cho bà L trả dần vì bản thân bà L có khả năng trả nợ cho bà. Về lãi suất bà xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều L thừa nhận hiện bà còn nợ bà Nh số tiền 82.000.000 đồng tiền vốn gốc và bà thống nhất trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 82.000.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Đối với số tiền bà đã trả lãi cho bà Nh trong quá trình vay nợ bà tự thống kê bằng 264.000.000 đồng thì bà không có chứng cứ gì chứng minh nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Phạm Thị Kiều L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 82.000.000 đồng và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Nh với bà Phạm Thị Kiều L là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Nh và bà Phạm Thị Kiều L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự

năm 2015. Khi bà Nguyễn Thị Nh đưa tiền cho bà Phạm Thị Kiều L vay tiền, hai bên không có viết biên nhận nợ nhưng ngày 01/12/2019 có chốt số tiền nợ do bà Phạm Thị Kiều L ký nhận. Tại Tòa án, bà Phạm Thị Kiều L cũng thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh và hiện còn nợ bà Nh số tiền 82.000.000 đồng vốn gốc, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Thị Nh không cần phải chứng minh vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với số tiền 82.000.000 đồng đã cho bà Phạm Thị Kiều L vay là có cơ sở chấp nhận. Do phía bà Phạm Thị Kiều L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Nh nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh về việc buộc bà Phạm Thị Kiều L phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh 82.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị Kiều L cho rằng số tiền 82.000.000 đồng này là do hai bên chốt nợ mà bà đã vay của bà Nh từ trước, tuy nhiên, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh và biên nhận cũng không thể hiện nội dung như bà trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Bà Phạm Thị Kiều L xin trả dần số nợ trên cho bà Nh hàng tháng, mỗi tháng bà trả cho bà Nh 1.000.000 đồng nhưng bà Nh không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2023 và biên bản hòa giải ngày 07/3/2023, bà Phạm Thị Kiều L cho rằng quá trình vay mượn tiền giữa bà và bà Nguyễn Thị Nh phát sinh từ năm 2007 cho đến nay và bà đã trả cho bà Nh số tiền lãi bằng 282.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L cho rằng quá trình vay mượn tiền giữa bà và bà Nguyễn Thị Nh phát sinh từ năm 2007 cho đến nay và bà đã trả cho bà Nh số tiền lãi bằng 264.000.000 đồng nhưng do bà tự thống kê chứ không có chứng cứ chứng minh và bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Nh xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 82.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Tại phiên tòa, sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ và nghe lời trình bày của bà Nguyễn Thị Nh, bà Phạm Thị Kiều L. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện

Gò Quao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 82.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Xét thấy, đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Phạm Thị Kiều L phải nộp 4.100.000 đồng (82.000.000 đồng x 5%). Bà L có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật và bà Phạm Thị Kiều L là người cao tuổi được chính quyền địa phương xác nhận nên bà L là đối tượng được miễn án phí. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà L được miễn nộp phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bà phải nộp là 4.100.000 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh không phải nộp án phí do yêu cầu của bà được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Bà Nh là đối tượng được miễn tạm ứng án phí nên bà không nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Xử: Buộc bà Phạm Thị Kiều L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị Kiều L không trả đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Nh thì hàng tháng bà Phạm Thị

Kiều L còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phạm Thị Kiều L được miễn.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4. “Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang